

## **KẾ HOẠCH**

### **Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2023 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025**

Thực hiện Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025; các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội số: 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và biểu mẫu báo cáo, 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH; Công văn số 2752/LĐTBXH-VPQGGN ngày 19/7/2023 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc rà soát và gửi dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ năm 2023.

Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh năm 2023 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025, như sau:

#### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

##### **1. Mục đích**

- Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 để đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu giảm nghèo năm 2023 và làm cơ sở cho xây dựng kế hoạch, giải pháp thực hiện mục tiêu giảm nghèo, an sinh xã hội năm 2024 trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đặc điểm của hộ nghèo, hộ cận nghèo phục vụ cho việc quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo; xây dựng cơ sở dữ liệu về giảm nghèo và kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; giám sát, đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

##### **2. Yêu cầu**

- Việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo phải được thực hiện từ khối/thôn/xóm/bản; đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch, có sự tham gia của các cấp, các ngành và của người dân. Triển khai thực hiện đúng quy trình, xác

định đúng đối tượng, không bị trùng lặp, bỏ sót, phản ánh đúng thực trạng hộ nghèo, hộ cận nghèo trên từng địa bàn.

- Lực lượng rà soát viên phải là người đã tham gia tập huấn, có hiểu biết tình hình dân cư tại địa bàn và trực tiếp đến phỏng vấn, thu thập thông tin của từng hộ để phản ánh đúng tình hình thu nhập và thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ theo các tiêu chí quy định tại phiếu điều tra.

- Kết thúc rà soát, từng khối/thôn/xóm/bản phải xác định được chính xác số hộ nghèo, hộ cận nghèo, lập danh sách về hộ nghèo, hộ cận nghèo trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt, lưu giữ, theo dõi, quản lý. Các xã/phường/thị trấn, các huyện/thành phố/thị xã xác định được tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đặc điểm của hộ nghèo, cận nghèo phục vụ cho việc quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo và thực hiện các chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo năm 2024.

- Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023 của các huyện, thành phố, thị xã phải báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) để tổng hợp và báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đầy đủ, đúng nội dung, kịp thời gian theo quy định.

## **II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI**

### **1. Đối tượng rà soát**

- Hộ gia đình thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do UBND cấp xã đang quản lý tại thời điểm rà soát.

- Hộ gia đình có Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo.

**2. Phạm vi rà soát:** Toàn bộ các xã, phường, thị trấn thuộc các huyện, thành phố, thị xã trên địa bàn tỉnh.

## **III. PHƯƠNG PHÁP VÀ TIÊU CHÍ RÀ SOÁT**

**1. Phương pháp rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo** là phương pháp khảo sát thu thập thông tin của hộ gia đình để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo bảo đảm phù hợp với chuẩn nghèo theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025.

**2. Tiêu chí phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025**

a) Khảo sát, thu thập thông tin của hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp điểm theo Phụ lục III và Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo như sau:

- Về mức thu nhập bình quân đầu người (gọi là điểm A):

+ Khu vực nông thôn: 140 điểm tương đương với mức thu nhập bình quân đầu người 1.500.000 đồng/người/tháng.

+ Khu vực thành thị: 175 điểm tương đương với mức thu nhập bình quân đầu người 2.000.000 đồng/người/tháng.

- Về mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (gọi là điểm B): 10 điểm tương đương với 01 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

b) Phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo

- Hộ nghèo:

+ Khu vực nông thôn: hộ có điểm  $A \leq 140$  điểm và  $B \geq 30$  điểm

+ Khu vực thành thị: hộ có điểm  $A \leq 175$  điểm và  $B \geq 30$  điểm

- Hộ cận nghèo:

+ Khu vực nông thôn: hộ có điểm  $A \leq 140$  điểm và  $B < 30$  điểm

+ Khu vực thành thị: hộ có điểm  $A \leq 175$  điểm và  $B < 30$  điểm

#### **IV. TRÌNH TỰ, NỘI DUNG THỰC HIỆN**

##### **1. Công tác triển khai thực hiện**

a) *Cấp tỉnh*

- Xây dựng, ban hành kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023 trên địa bàn tỉnh theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025.

- Tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ rà soát cho cán bộ giám sát cấp tỉnh, đội ngũ cán bộ cấp huyện, cấp xã để tổ chức tập huấn cho cán bộ, rà soát viên ở xã/phường/thị trấn và khối/thôn/xóm/bản.

b) *Cấp huyện*

- Xây dựng, ban hành kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn huyện, thành phố, thị xã.

- Tổ chức in ấn tài liệu: kế hoạch triển khai, mẫu phiếu rà soát, tài liệu hướng dẫn và hệ thống biểu tổng hợp kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo các cấp (khối/thôn/xóm/bản, xã/phường/thị trấn và cấp huyện) phục vụ cho công tác rà soát.

- Tổ chức tập huấn, hướng dẫn quy trình và bộ công cụ rà soát cho bộ phận giám sát viên cấp huyện và rà soát viên ở xã/phường/thị trấn và khối/thôn/xóm/bản.

- Chỉ đạo tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn, theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện.

c) *Cấp xã*

- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn.

- Phổ biến, tuyên truyền mục đích, ý nghĩa, yêu cầu của công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên các phương tiện truyền thông; chủ động phát hiện hộ gia đình gặp khó khăn, biến cố rủi ro để hướng dẫn đăng ký rà soát.

- Tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn theo hướng dẫn, chỉ đạo của Ban Chỉ đạo cấp huyện và báo cáo kết quả rà soát theo kế hoạch đề ra.

##### **2. Quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo**

### **2.1. Lập danh sách hộ gia đình cần rà soát**

Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã chủ trì, phối hợp với khối/thôn/xóm/bản và rà soát viên lập Danh sách hộ gia đình cần rà soát theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTĐXH, gồm:

- Hộ gia đình thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do UBND cấp xã đang quản lý tại thời điểm rà soát.

- Đối với hộ gia đình có giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg, lập danh sách và sử dụng phiếu A ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTĐXH để nhận dạng nhanh đặc điểm hộ gia đình. Trường hợp có dưới 04 tiêu chí từ cột 01 đến cột 09 thì đưa vào danh sách hộ gia đình cần rà soát.

### **2.2. Tổ chức rà soát, phân loại hộ gia đình**

Ban chỉ đạo rà soát cấp xã chủ trì, phối hợp với trưởng khối/thôn/xóm/bản và rà soát viên tổ chức rà soát phiếu B - Rà soát thông tin hộ gia đình ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTĐXH đối với những hộ trong danh sách cần rà soát đã được lập.

Phiếu B gồm 2 phần:

- Phần B1 thu thập thông tin chung về hộ gia đình.

- Phần B2 thu thập các thông tin hộ gia đình để xác định mức thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản: việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, tiếp cận thông tin.

Sau khi thu thập thông tin hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp và phân loại hộ gia đình theo các nhóm: Nhóm hộ nghèo, nhóm hộ cận nghèo.

### **2.3. Tổ chức họp dân thống nhất kết quả rà soát**

*Thành phần cuộc họp gồm:* Ban chỉ đạo rà soát cấp xã, công chức được giao nhiệm vụ làm công tác giảm nghèo cấp xã, trưởng khối/thôn/xóm/bản (chủ trì cuộc họp), Bí thư/phó bí thư Chi bộ, Chi hội trưởng các hội, Bí thư Đoàn Thanh niên khối/thôn/xóm/bản, rà soát viên và các hộ trong khối/thôn/xóm/bản. Mời đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã giám sát.

*Nội dung cuộc họp:*

Lấy ý kiến thống nhất của ít nhất 50% tổng số người tham dự cuộc họp về kết quả đánh giá, tính điểm đối với các hộ gia đình rà soát; danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo (nếu có sai sót, nhầm lẫn). Trường hợp ý kiến thống nhất dưới 50%, thực hiện rà soát lại theo quy định.

Biên bản cuộc họp theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTĐXH được lập thành 2 bản, có chữ ký của chủ trì, thư ký cuộc họp và đại diện của các hộ dân, 01 bản lưu ở khối/thôn/xóm/bản và 01 bản gửi Ban chỉ đạo rà soát cấp xã.

### **2.4. Niêm yết, thông báo công khai**

a) Niêm yết công khai kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tại nhà văn hóa hoặc nhà sinh hoạt cộng đồng thôn và Trụ sở UBND cấp xã; thông báo qua đài truyền thanh cấp xã trong thời gian 3 ngày làm việc.

b) Trong thời gian niêm yết, thông báo công khai, trường hợp có khiếu nại của người dân, Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã tổ chức phúc tra kết quả rà soát theo đúng quy trình rà soát trong thời gian không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại; niêm yết công khai kết quả phúc tra tại nhà văn hóa hoặc nhà sinh hoạt cộng đồng thôn và Trụ sở UBND cấp xã trong thời gian 3 ngày làm việc.

c) Hết thời hạn niêm yết công khai và phúc tra, Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND cấp xã về danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 6.1 tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH.

### **2.5. Báo cáo, xin ý kiến của Chủ tịch UBND cấp huyện**

a) Chủ tịch UBND cấp xã báo cáo bằng văn bản, gửi Chủ tịch UBND cấp huyện về kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.

b) Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Chủ tịch UBND cấp xã, Chủ tịch UBND cấp huyện có ý kiến trả lời bằng văn bản.

### **2.6. Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo**

Chủ tịch UBND cấp xã tiếp thu ý kiến của Chủ tịch UBND cấp huyện, quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn theo Mẫu số 02 và cấp Giấy chứng nhận cho hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg.

## **3. Thời gian rà soát, xác định và tổng hợp báo cáo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo**

### **2.1. Thời gian rà soát, xác định**

a) Thời gian thực hiện: Từ ngày 01 tháng 09 năm 2023 đến hết ngày 14 tháng 12 năm 2023.

b) Thời điểm tổ chức rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo từ ngày 15 tháng 9 năm 2023 đến hết ngày 14 tháng 11 năm 2023.

### **2.2. Tổng hợp, báo cáo kết quả**

#### **a) Đối với cấp khối/thôn/xóm/bản**

- Lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và tổng hợp kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo các mẫu danh sách quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Kế hoạch này.

- Lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu về giảm nghèo và kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo yêu cầu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Báo cáo UBND xã/phường/thị trấn trước ngày 20/11/2023.

#### **b) Đối với cấp xã/phường/thị trấn**

- Tổng hợp kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo từ báo cáo của khối/thôn/xóm/bản theo các biểu mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Kế hoạch này.

- Tổng hợp danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu về giảm nghèo và kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo yêu cầu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Báo cáo UBND huyện/thành phố/thị xã trước ngày 30/11/2023.

*c) Đối với cấp huyện/thành phố/thị xã*

- Tổng hợp kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo từ báo cáo của các xã/phường/thị trấn theo các biểu mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Kế hoạch này.

- Tổng hợp danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu về giảm nghèo và kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo yêu cầu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Lao động - TB&XH) trước ngày 10/12/2023.

*d) Đối với cấp tỉnh (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội - Cơ quan thường trực)*

- Tổng hợp kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo chung toàn tỉnh từ báo cáo của các huyện/thành phố/thị xã theo các biểu mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH và Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH.

- Tổng hợp danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu về giảm nghèo và kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo yêu cầu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Báo cáo UBND tỉnh, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội trước ngày 15/12/2023.

## **V. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Kinh phí thực hiện Kế hoạch này do ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương và các văn bản liên quan.

## **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội** chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan thực hiện các nhiệm vụ:

- Tổ chức triển khai Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức Hội nghị tập huấn nghiệp vụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cho giám sát viên cấp tỉnh và đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp huyện, cấp xã.

- Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, theo dõi quá trình rà soát của các huyện, thành phố, thị xã.

- Tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh và báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định.

- Tổng hợp danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu về giảm nghèo và kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định.

**2. Sở Tài chính** chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành hướng dẫn các địa phương, đơn vị liên quan trong việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện Kế hoạch.

**3. Sở Thông tin và Truyền thông** chỉ đạo các cơ quan thông tấn, báo chí, hệ thống truyền thanh cơ sở tuyên truyền rộng rãi về mục đích, ý nghĩa, yêu cầu của việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 để người dân được biết và tham gia thực hiện.

**4. Cục Thống kê** phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn, chỉ đạo, đôn đốc Chi Cục Thống kê phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các huyện, thành phố, thị xã triển khai thực hiện tốt công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.

**5. Các sở, ban, ngành chức năng liên quan:** có trách nhiệm tham gia phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và UBND các huyện, thành phố, thị xã chỉ đạo, triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh.

**6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh** hướng dẫn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp phối hợp các tổ chức thành viên tăng cường tuyên truyền, phổ biến Kế hoạch đến các đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân; giám sát việc thực hiện quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023.

## **7. UBND các huyện, thành phố, thị xã**

- Thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp huyện.

- Xây dựng kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 của địa phương; căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương, bố trí kinh phí để tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định.

- Triển khai thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn theo quy trình, phương pháp quy định tại Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021, Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Kế hoạch của UBND tỉnh.

- Tổ chức Hội nghị quán triệt và tập huấn nghiệp vụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cho giám sát viên cấp huyện và lực lượng rà soát viên ở xã/phường/thị trấn và khối phố/xóm/bản; tổ chức in ấn tài liệu phục vụ việc rà soát.

- Đôn đốc, kiểm tra, theo dõi quá trình rà soát của các xã/phường/thị trấn.

- Tổng hợp, phê duyệt và báo cáo UBND tỉnh kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của địa phương theo kế hoạch.

- Tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu về giảm nghèo và kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định.

### **8. UBND các xã, phường, thị trấn**

- Thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp xã.  
- Tổ chức lực lượng rà soát viên ở xã/phường/thị trấn và khối/thôn/xóm/bản.

- Triển khai thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn theo hướng dẫn, chỉ đạo của Ban chỉ đạo cấp huyện.

- Tổng hợp kết quả rà soát của khối/thôn/xóm/bản, báo cáo kết quả của địa phương cho Ban chỉ đạo và UBND cấp huyện theo kế hoạch.

- Tổng hợp, báo cáo UBND cấp huyện danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu về giảm nghèo và kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh năm 2023 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025. Yêu cầu các cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh liên quan, UBND các huyện, thành phố, thị xã và UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh tổ chức thực hiện nghiêm túc, kịp thời./.

#### **Nơi nhận:**

- Bộ Lao động – TB & XH;
  - Chủ tịch UBND tỉnh;
  - PCT VX UBND tỉnh;
  - CVP, PCVP VX UBND tỉnh;
  - UBMTTQVN, các đoàn thể cấp tỉnh;
  - Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
  - Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
  - UBND các huyện, thành, thị;
  - Cổng thông tin điện tử tỉnh;
  - Lưu VT, KGVX (H, D).
- } (B/c);

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Bùi Đình Long**